

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011
đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-24
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	09-24

Số: /2011/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 18 tháng 07 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính theo hướng dẫn của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác Soát xét Báo cáo Tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hoàng Thúy Nga
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0762/KTV

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		293,647,105,506	229,242,985,195
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2,738,709,560	30,312,488,032
111	1. Tiền		2,738,709,560	10,312,488,032
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	20,000,000,000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	21,253,834,400	21,295,476,000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		21,333,776,400	21,333,776,400
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(79,942,000)	(38,300,400)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		134,214,542,416	43,341,137,501
131	1. Phải thu của khách hàng		126,802,330,915	32,075,811,068
132	2. Trả trước cho người bán	5	6,227,665,486	8,467,667,692
135	3. Các khoản phải thu khác	6	3,292,695,000	3,824,856,006
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(2,108,148,985)	(1,027,197,265)
140	IV. Hàng tồn kho	7	133,891,859,986	125,689,827,255
141	1. Hàng tồn kho		137,435,327,830	129,233,295,099
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(3,543,467,844)	(3,543,467,844)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1,548,159,144	8,604,056,407
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		919,576,552	8,340,329,782
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		36,096,788	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9	294,368,804	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		298,117,000	263,726,625
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8,528,461,733	8,889,420,689
220	II. Tài sản cố định		1,373,511,145	1,609,650,265
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1,373,511,145	1,609,650,265
222	- Nguyên giá		3,334,391,401	3,295,473,219
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1,960,880,256)	(1,685,822,954)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	7,000,000,000	7,000,000,000
258	1. Đầu tư dài hạn khác		7,000,000,000	7,000,000,000
260	V. Tài sản dài hạn khác		154,950,588	279,770,424
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	115,150,588	279,770,424
268	2. Tài sản dài hạn khác		39,800,000	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		302,175,567,239	238,132,405,884

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		117,902,659,182	62,985,425,510
310	I. Nợ ngắn hạn		117,870,120,725	62,985,425,510
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	49,281,140,776	-
312	2. Phải trả người bán		55,607,072,185	52,507,211,937
313	3. Người mua trả tiền trước		1,293,514,250	1,215,695,594
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	6,211,263,599	3,180,512,960
315	5. Phải trả người lao động		3,658,048,058	1,421,529,381
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	213,562,357	428,989,191
323	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1,605,519,500	4,231,486,447
330	II. Nợ dài hạn		32,538,457	-
336	1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		32,538,457	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		184,272,908,057	175,146,980,374
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	184,272,908,057	175,146,980,374
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		150,000,000,000	150,000,000,000
417	2. Quỹ đầu tư phát triển		3,921,741,838	3,921,741,838
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		8,150,159,024	8,150,159,024
419	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4,075,079,512	4,075,079,512
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18,125,927,683	9,000,000,000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		302,175,567,239	238,132,405,884

Dương Thị Việt Hà

Kế toán trưởng

Vũ Bá Khánh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kết toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	173,979,613,923	159,159,191,307
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		400,827,009	261,316,744
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		173,578,786,914	158,897,874,563
11	4. Giá vốn hàng bán	18	132,544,565,243	118,661,965,354
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		41,034,221,671	40,235,909,209
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	2,513,883,982	852,571,638
22	7. Chi phí tài chính	20	2,345,041,150	4,177,390,385
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		2,013,380,410	3,234,179,524
24	8. Chi phí bán hàng		9,508,784,393	9,054,757,541
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		7,509,574,683	8,590,457,011
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		24,184,705,427	19,265,875,910
31	11. Thu nhập khác		420,374	-
40	13. Lợi nhuận khác		420,374	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24,185,125,801	19,265,875,910
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	6,059,198,118	4,893,639,813
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		18,125,927,683	14,372,236,097
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	1,208	1,797

Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng

Vũ Bá Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho kỳ kết toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		88,796,537,383	82,169,963,772
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(144,797,545,936)	(120,377,730,522)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(7,762,984,732)	(6,760,934,834)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(2,013,380,410)	(3,234,179,524)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(2,979,471,756)	(2,906,419,933)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1,946,347,917	16,206,070,687
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3,575,839,127)	(15,393,086,208)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(70,386,336,661)	(50,296,316,562)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(38,918,182)	(47,882,900)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(13,000,000,000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		13,000,000,000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(3,250,000,000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2,570,335,595	792,490,784
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2,531,417,413	(2,505,392,116)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		80,919,357,669	89,541,010,083
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(31,638,216,893)	(43,136,810,670)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(9,000,000,000)	(7,200,000,000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40,281,140,776	39,204,199,413
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(27,573,778,472)	(13,597,509,265)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		30,312,488,032	23,336,150,924
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	2,738,709,560	9,738,641,659

Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng

Vũ Bá Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục.

Trụ sở chính của Công ty tại: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 150.000.000.000 VND. Tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 3: Mã số doanh nghiệp số 0102222393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 09 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- In và các dịch vụ liên quan đến in;
- In và phát hành hỗ trợ sách giao khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học , tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Dịch vụ tư vấn, đầu tư, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, tư vấn du học, lập dự án đào tạo;
- Khai thác, cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, khu đô thị;
- Quản lý, vận hành công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, khu đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại (không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.2. Tính hoạt động liên tục

Theo Nghị quyết số 99/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2010 của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 đã thông qua phương án sáp nhập Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (EID) với Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI) và ủy quyền cho HĐQT, Ban Giám đốc, KTT Công ty phối hợp với Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục triển khai chi tiết phương án sáp nhập, chủ động thuê đơn vị tư vấn sáp nhập và tiến hành mọi thủ tục có liên quan trong thời gian sớm nhất có thể. Tuy nhiên, tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 02-2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2011 đã nhất trí hủy bỏ phương án sáp nhập Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (EID) với Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI). Do đó, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không còn dấu hiệu nào ảnh hưởng tới tính hoạt động liên tục của Công ty.

2.3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

2.7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|----------------------------|-------------|
| ▪ Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| ▪ Thiết bị dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Từ năm 2011, Công ty đã thay đổi phương pháp hạch toán vào Giá vốn hàng bán đối với thuế GTGT đầu vào được khấu trừ. Theo đó, Công ty không thực hiện việc phân bổ Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ căn cứ theo giá trị Nguyên vật liệu, Hàng hóa, Thành phẩm tồn kho mà thực hiện hạch toán toàn bộ số phát sinh vào Giá vốn hàng bán. Do việc thay đổi này Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 đang phản ánh vào giá vốn hàng bán số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ này cao hơn cùng kỳ năm 2010 là 7.288.619.083 VND.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.13. Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	442,531,004	1,226,572,573
Tiền gửi ngân hàng	2,296,178,556	9,085,915,459
Các khoản tương đương tiền	-	20,000,000,000
	2,738,709,560	30,312,488,032

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn ⁽¹⁾	118,776,400	118,776,400
Đầu tư dài hạn khác	21,215,000,000	21,215,000,000
- Cho Nhà Xuất bản Giáo dục vay	21,215,000,000	21,215,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(79,942,000)	(38,300,400)
	21,333,776,400	21,295,476,000

⁽¹⁾ Chi tiết các khoản chứng khoán đầu tư ngắn hạn

Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Số lượng	Giá trị thị trường		Dự phòng
			Giá mua	tại 30/06/2011	
			VND	VND	VND
LSS	HOSE	500	21,500,000	13,250,000	(8,250,000)
QNC	HNX	8	276,400	94,400	(182,000)
PHH	HNX	800	22,400,000	5,840,000	(16,560,000)
STL	HNX	1,500	74,600,000	19,650,000	(54,950,000)
			118,776,400	38,834,400	(79,942,000)

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Trong tổng số các trả trước cho người bán tại ngày 01/01/2011 và 30/06/2011 bao gồm khoản tiền 4.500.000.000 VND đã thanh toán cho người bán từ năm 2007 để mua Bất động sản tại Lô A2- ĐN1 Nguyễn Khánh Toàn- TP Hà Nội, nhưng cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính Công ty vẫn chưa hoàn tất thủ tục chuyển quyền sử dụng đất nên chưa thực hiện ghi nhận là Tài sản cố định.

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về lãi dự thu	-	56,451,613
Phải thu khác	3,292,695,000	3,768,404,393
- <i>Phải thu về tiền góp vốn xin cấp đất làm nhà kho tại Xã Tiên Đương- Đông Anh- Hà Nội⁽¹⁾</i>	2,040,511,000	2,040,511,000
- <i>Phải thu về tiền góp vốn Dự án Trung tâm xuất bản- Phát hành SGK⁽²⁾</i>	300,000,000	300,000,000
- <i>Phải thu các đối tượng khác</i>	952,184,000	1,427,893,393
	3,292,695,000	3,824,856,006

⁽¹⁾Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần in Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương- Huyện Đông Anh- TP Hà nội. Diện tích khu đất là 7.662m².

- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan.

- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 đồng, trong đó: phần góp vốn của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 đồng. Tính đến thời điểm 30/06/2011 Công ty đã thực hiện góp đủ số vốn theo cam kết tại hợp đồng này.

Ngoài ra, Công ty đã chuyển vốn góp bổ sung 125.011.000 VND theo yêu cầu của Dự án để phục vụ các hạng mục: Nạo vét hệ thống thoát nước và Xây lắp cống ga, tiêu nước, sân nền kênh mương thoát nước theo yêu cầu tại Công văn số 1477/NXBGDVN ngày 30/08/2010.

⁽²⁾Đây là khoản tiền góp vốn của Công ty để cùng thực hiện dự án: "Xây dựng Trung tâm Xuất bản- Phát hành Sách Giáo khoa" theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

7 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	75,260,583,985	94,652,308,037
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18,341,473,198	11,695,529,617
Thành phẩm	34,244,342,193	14,746,382,109
Hàng hoá	6,455,116,678	4,465,792,631
Hàng gửi đi bán	3,133,811,776	3,673,282,705
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(3,543,467,844)	(3,543,467,844)
	133,891,859,986	125,689,827,255

Toàn bộ số hàng tồn kho giảm giá trị tại thời điểm 31/12/2010 vẫn còn tồn trong kho tại thời điểm 30/06/2011. Công ty đánh giá là không có sự thay đổi về giá trị thuần có thể thực hiện của các hàng tồn kho này so với thời điểm 31/12/2010. Số hàng tồn kho này Công ty sẽ dự kiến sẽ thanh lý trong giai đoạn 6 tháng cuối năm 2011.

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ⁽¹⁾	-	7,903,966,146
Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	794,038,552	436,363,636
Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ	125,538,000	-
	919,576,552	8,340,329,782

⁽¹⁾Từ năm 2011, Công ty đã thay đổi phương pháp hạch toán vào Giá vốn hàng bán đối với thuế GTGT đầu vào được khấu trừ. Theo đó, Công ty không thực hiện việc phân bổ Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ căn cứ theo giá trị Nguyên vật liệu, Hàng hóa, Thành phẩm tồn kho mà thực hiện hạch toán toàn bộ số phát sinh trong kỳ vào Giá vốn hàng bán.

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế TNCN	294,368,804	-
	294,368,804	-

10 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2,792,616,753	502,856,466	3,295,473,219
Số tăng trong kỳ	-	38,918,182	38,918,182
- Mua sắm mới	-	38,918,182	38,918,182
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2,792,616,753	541,774,648	3,334,391,401
Giá trị đã hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1,264,868,643	420,954,311	1,685,822,954
Số tăng trong kỳ	232,718,070	42,339,232	275,057,302
- Trích khấu hao	232,718,070	42,339,232	275,057,302
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1,497,586,713	463,293,543	1,960,880,256
Giá trị còn lại			
Đầu năm	1,527,748,110	81,902,155	1,609,650,265
Cuối kỳ	1,295,030,040	78,481,105	1,373,511,145

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	7,000,000,000	7,000,000,000
- Công ty CP Thiết bị Giáo dục II	3,000,000,000	3,000,000,000
- Công ty CP Dịch vụ Phát triển Xuất bản Giáo dục Hà Nội	750,000,000	750,000,000
- Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	3,000,000,000	3,000,000,000
- Viện Công nghệ Giáo dục	250,000,000	250,000,000
	7,000,000,000	7,000,000,000

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	
	VND	
Số dư đầu kỳ		279,770,424
Số tăng trong kỳ		-
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ		(164,619,836)
Giảm khác		-
Số dư cuối kỳ		115,150,588
Trong đó số dư cuối kỳ bao gồm:	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí sửa chữa cửa hàng 67B Cửa Bắc	-	49,469,036
Chi phí sửa chữa nhà tại Nguyễn Khánh Toàn	115,150,588	230,301,388
	115,150,588	279,770,424

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	49,281,140,776	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Hà Nội ⁽¹⁾	49,281,140,776	-
	49,281,140,776	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

⁽¹⁾ Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐ TDTMHM-HEID ngày 09/03/2011 giữa Bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội và bên đi vay là Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội, với các điều khoản cụ thể như sau:

- Hạn mức tín dụng: 100 tỷ VND;
- Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: đến ngày 31/03/2012;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Phục vụ nhu cầu kinh doanh năm 2011;
- Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 09 tháng;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Phương thức đảm bảo tiền vay là tín chấp;

Tổng số tiền Công ty đã nhận nợ của hợp đồng tại thời điểm 30/06/2011 là 80.919.357.669 VND, Số nợ gốc đã trả là 31.638.216.893 VND, Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2011 là 49.281.140.776 VND.

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	81,264,284
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	6,030,046,991	2,950,320,629
Thuế Thu nhập cá nhân	181,216,608	148,928,047
	6,211,263,599	3,180,512,960

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	74,670,413	8,124,738
Bảo hiểm xã hội	54,475,165	38,724,177
Bảo hiểm y tế	11,251,977	8,032,489
Bảo hiểm thất nghiệp	4,942,690	2,954,569
Phải trả, phải nợ khác	68,222,112	371,153,218
	213,562,357	428,989,191

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	30/06/2011	Tỷ lệ	01/01/2011
	(%)	VND	(%)	VND
Nhà xuất bản giáo dục VN	35.59%	53,390,000,000	35.59%	53,390,000,000
Các cổ đông khác	64.41%	96,610,000,000	64.41%	96,610,000,000
	100%	150,000,000,000	100%	150,000,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150,000,000,000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	150,000,000,000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	70,000,000,000
- <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	220,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9,000,000,000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	9,000,000,000

d) Cổ phiếu

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15,000,000	15,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15,000,000	15,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15,000,000	15,000,000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15,000,000	15,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15,000,000	15,000,000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10,000	10,000

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	173,607,499,923	158,825,399,307
- <i>Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	115,160,796,274	108,364,610,567
- <i>Doanh thu lịch Block</i>	-	3,434,346,214
- <i>Doanh thu sách tham khảo</i>	29,083,576,513	29,713,001,929
- <i>Doanh thu thiết bị giáo dục, nhượng bán vật tư</i>	29,363,127,136	17,313,440,597
Doanh thu cung cấp dịch vụ	372,114,000	333,792,000
	173,979,613,923	159,159,191,307

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa	132,544,565,243	118,661,965,354
- <i>Giá vốn sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	90,543,890,222	83,928,441,470
- <i>Giá vốn lịch Block</i>	-	2,208,995,461
- <i>Giá vốn sách tham khảo</i>	15,381,257,440	17,106,075,532
- <i>Giá vốn thiết bị giáo dục, nhượng bán vật tư</i>	26,619,417,581	15,418,452,891
	132,544,565,243	118,661,965,354

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2,444,870,982	557,113,655
Cổ tức, lợi nhuận được chia	69,013,000	147,694,333
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	29,247,850
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	-	118,515,800
	2,513,883,982	852,571,638

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	2,013,380,410	3,234,179,524
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	290,000,000	840,622,692
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	395,738,150
Dự phòng các khoản đầu tư	41,641,600	(310,872,150)
Chi phí tài chính khác	19,140	17,722,169
	2,345,041,150	4,177,390,385

21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24,185,125,801	19,265,875,910
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	51,666,672	308,683,340
Các khoản điều chỉnh tăng		
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	51,666,672	308,683,340
Tổng thu nhập tính thuế	24,236,792,473	19,574,559,250
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ hiện hành	6,059,198,118	4,893,639,813
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	2,950,320,629	4,671,497,944
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(2,979,471,756)	(2,906,419,933)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	6,030,046,991	6,658,717,824

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	18,125,927,683	14,372,236,097
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18,125,927,683	14,372,236,097
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15,000,000	8,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,208	1,797

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

24 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách giáo dục và sách khác, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản.

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

25 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

		Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
<u>Mối quan hệ</u>		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Mua hàng			
- Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	30,754,901,819	887,040,000
- NXBGD tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGD	6,806,248,639	5,585,541,410
- NXBGD tại Đà Nẵng	Trực thuộc NXBGD	245,245,239	-
- NXBGD tại Cần Thơ	Trực thuộc NXBGD	6,293,505,525	4,296,187,779

Lãi vay phải thu

- Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	1,814,471,808	-
----------------------------------	-------------------	---------------	---

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30/06/2011

		30/06/2011	01/01/2011
<u>Mối quan hệ</u>		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu			
- Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	-	846,860,151
- NXBGD tại Cần Thơ	Trực thuộc NXBGD	-	4,125,000
Phải thu vốn cho vay			
- Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	21,215,000,000	21,215,000,000
Phải trả			
- Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	1,372,854,041	-
- NXBGD tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGD	16,569,637,792	6,753,405,214
- NXBGD tại Đà Nẵng	Trực thuộc NXBGD	397,771,500	140,264,000
- NXBGD tại Cần Thơ	Trực thuộc NXBGD	1,989,380,525	-

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 đã được Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán (AAC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Đã trình bày trên</u>
		VND	báo cáo năm trước
			VND
Bảng cân đối kế toán			
Các khoản phải thu khác	135	3,824,856,006	1,484,345,006
Đầu tư dài hạn khác	258	7,000,000,000	9,340,511,000

Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng

Vũ Bá Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2011